TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:177/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Gẩm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1990.
Địa chỉ: 392 khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Vũ L tự nguyên kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/01/2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hiện nay, giữa chị và anh L không còn quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chị xin được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Giữa chị và anh L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Vũ L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/01/2019. Chị H cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh L chỉ hạnh phúc thời gian đầu. Đến đầu năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hiện nay, giữa chị H và anh L không còn quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Đối với anh L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh L. Đồng thời, Tòa án cũng không tổ chức được phiên hòa giải để động viên anh L và chị H đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, chị H đã khẳng định mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Điều này không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình*: "Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..."*. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...".* Đối chiếu với các quy định trên thì giữa chị H và anh L đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H khai giữa chị và anh L không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai giữa chị và anh L không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dung án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Diễm H. Chị Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn với anh Nguyễn Vũ L.

Về con chung: Chị H khai giữa chị và anh L không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai giữa chị và anh L không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006314 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND thị trấn G,
huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Gẩm